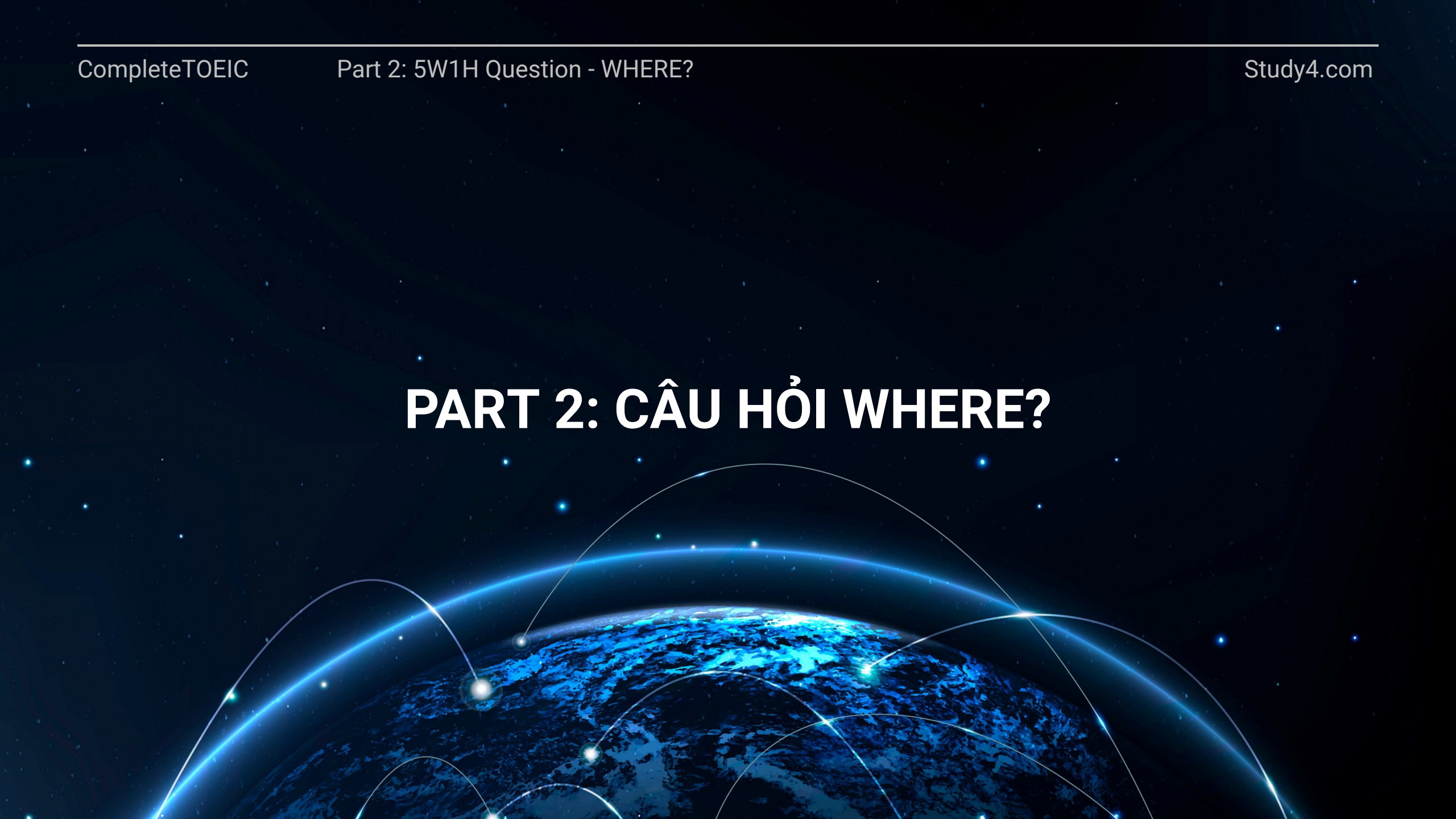


PART 2: CÂU HỎI WHERE?



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Câu hỏi với **WHERE** hỏi về địa điểm, nơi chốn:

- Chủ ngữ ở đâu...?
- Chủ ngữ đã/ đang/ sẽ làm gì ở đâu?

2. CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG

2.1. Trả lời trực tiếp

Trả lời với giới từ
(in, on, at, behind,...)
+ địa điểm

Q: Where is the parking garage?

Chỗ đỗ xe ở đâu thế?

(A) The local park is nice.

Chỗ đỗ xe khu vực này tốt đấy.

(B) Behind the office building.

Đằng sau tòa nhà văn phòng.

(C) During his commute to work.

Suốt đoạn đường anh ta đi làm.

**Trả lời với từ/ cụm từ
chỉ địa điểm**

Q: Where can I go to have my car engine checked?

Tôi có thể đem động cơ xe hơi của tôi đi kiểm tra ở đâu?

(A) No, I don't need one. Thanks, though.

Không, tôi không cần, nhưng cảm ơn nhé.

(B) The mechanic around the corner.

Chỗ thợ máy ở góc phố.

(C) In April of every year.

Vào tháng Tư hằng năm.

**Trả lời với mệnh đề
chỉ vị trí, địa điểm**

Q: Where is the store manager?

Người quản lý cửa hàng đang ở đâu?

(A) Some items from the back room.

Một vài món đồ từ phòng bên trong .

(B) No, I'm not a manager.

Không, tôi không phải quản lý.

(C) She went out for lunch.

Cô ấy ra ngoài ăn trưa rồi.

**Trả lời với các cụm từ
hướng dẫn, chỉ đường**

**Q: Where is the entrance to the
parking garage?**

Lối vào bãi đỗ xe ở đâu?

(A) It's a \$10 per hour.

Giá 10 đô một giờ.

(B) Take a right turn ahead.

Rẽ phải ở lối phía trước.

(C) The entrance exam was difficult.

Kì thi đầu vào khó đấy.

2.2. Trả lời gián tiếp

**Trả lời
tôi không biết**

Q: Where can I find the client's phone number?

Tôi có thể tìm số điện thoại của khách hàng ở đâu?

(A) Before 5:00 P.M.

Trước 5 giờ chiều.

(B) I have no idea but the secretary should know.

Tôi không biết nhưng thư ký chắc sẽ biết đấy.

(C) No, she never called back.

Không, cô ấy không bao giờ gọi lại.

**Trả lời liên quan
đến bên thứ ba
hoặc hành động
khác liên quan**

Q: Where can I get a new filing cabinet?

Tôi có thể lấy tủ tài liệu mới ở đâu?

(A) All of the cabins have been rented.

Tất cả nhà gỗ đều được thuê rồi.

(B) I'll put the tiles in the corner.

Tôi sẽ để gạch lát ở trong góc.

(C) All furniture requests must be approved first.

Tất cả yêu cầu về nội thất cần phải được
phê duyệt trước.

3. CÁC ĐÁP ÁN SAI

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No

Q: Where is the store manager?

Người quản lý cửa hàng đang ở đâu?

A: No, I'm not a manager.

Không, tôi không phải là quản lý.

- **Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No**

Q: Where is the store manager?

Người quản lý cửa hàng đang ở đâu?

A: No, I'm not a manager.

Không, tôi không phải là quản lý.

=> Đối với câu hỏi WHERE nói riêng và 5W1H nói chung, bất cứ câu trả lời nào bắt đầu với Yes/ No đều có thể LOẠI ngay.

- Câu trả lời lặp lại từ trong câu hỏi hoặc chứa từ phát âm gần giống từ trong câu hỏi.

Q: Where is the entrance to the parking garage?

Lối vào bãi đỗ xe ở đâu?

A: The entrance exam was difficult.

Kì thi đầu vào khó đấy.

- Câu trả lời lặp lại từ trong câu hỏi hoặc chứa từ phát âm gần giống từ trong câu hỏi.

Q: Where is the entrance to the parking garage?

Lối vào bãi đỗ xe ở đâu?

A: The entrance exam was difficult.

Kì thi đầu vào khó đấy.

=> Từ entrance được lặp lại nhưng với nghĩa khác, ở câu hỏi entrance là lối vào vào còn trong câu trả lời là kì thi đầu vào => **LOẠI**

- Câu trả lời với giới từ + thời gian

Q: Where is the closest coffee shop?

Quán cà phê gần nhất ở đâu nhỉ?

A: From nine until five.

Từ 9 giờ đến 5 giờ.

- **Câu trả lời với giới từ + thời gian**

Q: *Where* is the closest coffee shop?

Quán cà phê gần nhất ở đâu nhỉ?

A: *From* nine until five.

Từ 9 giờ đến 5 giờ.

=> Câu trả lời bắt đầu bằng giới từ dễ khiến người nghe nhầm lẫn với câu trả lời đúng dạng giới từ + địa điểm nên cần chú ý nghe hết câu để tránh bị đánh lừa.

LUYỆN TẬP



Q: Where's the main entrance to the museum?

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

Q: Where's the main entrance to the museum?

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

(A) It's not supposed to rain today.

Đáng ra trời không mưa hôm nay. => Loại

Q: Where's the main entrance to the museum?

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

(A) It's not supposed to rain today.

Đáng ra trời không mưa hôm nay. => Loại

(B) An exhibit on ancient Egypt.

Một buổi triển lãm về Ai Cập cổ đại. => Loại

Q: Where's the main entrance to the museum?

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

(A) It's not supposed to rain today.

Đáng ra trời không mưa hôm nay. => Loại

(B) An exhibit on ancient Egypt.

Một buổi triển lãm về Ai Cập cổ đại. => Loại

(C) I see a long line of people over there.

Tôi thấy một hàng dài người ở kia kìa. => Chọn (có từ chỉ địa điểm **over there**.
Câu này được hiểu là: Tôi đoán cổng chính ở phía đằng kia vì tôi thấy một hàng dài người xếp hàng ở đó.)

Q: Where's the main entrance to the museum?

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

(A) It's not supposed to rain today.

Đáng ra trời không mưa hôm nay.

(B) An exhibit on ancient Egypt.

Một buổi triển lãm về Ai Cập cổ đại.

(C) I see a long line of people over there.

Tôi thấy một hàng dài người ở kia kìa.

Lưu ý: Đây là câu hỏi khó đòi hỏi người nghe phải thực sự **nghe hiểu** từng câu chữ không thể chỉ dựa vào các dấu hiệu nhận biết câu đúng, câu sai.

Dạng câu hỏi Part 2 với đáp án kiểu trả lời gián tiếp, cần suy luận này đã xuất hiện nhiều hơn ở những đề thi gần đây.

=> **luyện nghe thường xuyên** là rất quan trọng.